

UNIT 1:**LEISURE ACTIVITIES****COMMUNICATION****I/ NEW WORDS:**

- window shopping	(v):đ.chơi ngắm đồ bày ở c.hàng
- to be hooked on ST	(adj):yêu thích cái gì
- to sound weird	(adj):nghe có vẻ kỳ cục
- to be addicted to ST	(adj)say mê, nghiện cái gì
- forum	(n):diễn đàn
- netlingo	(n):n.ngữ dùng để g.tiếp trên mạng
- abbreviation	(n):sự tóm tắt, sự rút gọn